TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/DS-PT
Ngày: 11-5-2020
V/v tranh chấp: "Đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 và 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020; về việc tranh chấp "*Đòi tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019, của Toà án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1 .Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1971 (Chủ doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng MD).

Địa chỉ cư trú: 13/10, THĐ, khóm MQ, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hòa Nh, sinh năm 1987; Địa chỉ: 20/10A, khóm ĐT, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2018 có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng NQ). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1956 (có mặt)

2.2 Bà Hồ Thu H, sinh năm 1954 (có mặt)

Cùng cư trú: Số 18/6, THĐ, khóm MQ, phường MQ1, thành phố LX, tỉnh An Giang;

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn Ph có ông Trần Tiến V Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước của tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ D ủy quyền của cho ông Phan Hoà Nh trình bày: Bà Nguyễn Thị Lệ D là Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Tiệm vàng MD, ngoài việc kinh doanh mua bán vàng thì còn kinh doanh hoạt động cấp tín dụng khác. Năm 2014, bà D có cho vợ chồng ông Phan Văn Ph và bà Hồ Thu H vay tiền để đáo hạn ngân hàng, hứa thanh toán sau vài ngày, cụ thể: Ngày 07/02/2014 âm lịch, ông Ph điện thoại cho bà D hỏi vay 200.000.000 đồng và sau đó vài ngày bà H đến ký tên biên nhận nhận tiền; tuy biên nhận không thể hiện mức lãi suất và thời hạn thanh toán nhưng đôi bên có thỏa thuận qua điện thoại mức lãi suất là 03%/tháng và thời hạn thanh toán là khi nào bà D cho ông Ph, bà H hay sẽ trả lại. Sau đó, bà H có trả lãi đến ngày 03/6/2014 âm lịch thì ông Ph tiếp tục điện thoại cho bà D hỏi vay tiếp 150.000.000 đồng và 10.000.000 đồng, cộng chung là 160.000.000 đồng đều do bà H ký tên biên nhận và nhận tiền; cũng như biên nhận trước mặc dù không thể hiện mức lãi suất và thời hạn thanh toán nhưng vẫn là 03%/tháng và thời hạn thanh toán vẫn là khi bà D cho ông Ph, bà H hay sẽ trả lại.

Tuy nhiên, kể từ lần vay sau thì ông Ph, bà H đã không còn trả lãi cũng như trả vốn mặc cho bà D đòi nhiều lần nên ngày 19/7/2018 bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph, bà H phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả dứt số vốn của 02 lần vay còn nợ tổng cộng là 360.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Luật định với số tiền là 198.450.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có thiện chí yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn nợ gốc 360.000.000 đồng vốn gốc và 20.000.000 đồng lãi phát sinh. Tuy nhiên, do bà H có lời trình bày ông Ph không liên quan đến khoản nợ vay và yêu cầu Tòa án không buộc trách nhiệm liên đới của ông Ph thì đại diện nguyên đơn không đồng ý và xin rút lại thiện chí ban đầu của phía nguyên đơn. Đồng thời, đại diện nguyên đơn cho rằng khi các bên giao kết hợp đồng vay tiền thì không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên đây là Hợp đồng vay không xác định thời hạn do đó không áp dụng thời hiệu; ngoài ra quá trình Tòa án giải quyết, bà H đã thừa nhận toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với bà D

nên đây là trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, đại diện nguyên đơn ngoài việc giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn cùng liên đới chịu trách nhiệm trả vốn và trả lãi phát sinh thì còn có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà H

Bị đơn là bà Hồ Thu H trình bày: Bà với ông Ph là vợ chồng, trong năm 2014 bà có vay tiền của Tiệm vàng MD do bà D làm chủ để đáo hạn Ngân hàng với mức lãi suất 15%/ngày, cụ thể:

Lần 1: Khoảng tháng 5/2014 âm lịch, bà vay 200.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà ký tên, sau khi vay bà có trả lãi theo ngày nhưng không làm giấy tờ nên bà không nhớ đã trả lãi được bao nhiêu;

Lần 2: Khoảng tháng 6/2014 âm lịch, bà vay tiếp 200.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà ký tên, sau khi vay bà vẫn trả lãi theo ngày như lần vay trước và không nhớ đã trả lãi được bao nhiêu do không làm giấy tờ.

Do Ngân hàng không giải ngân nên bà chỉ trả vốn được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 350.000.000 đồng thì không có khả năng trả vốn và trả lãi tiếp. Việc bà vay tiền của bà D thì ông Ph hoàn toàn không biết nên đây là khoản nợ riêng được bà vay để phục vụ sinh hoạt cá nhân, không liên quan đến kinh tế gia đình và do không có bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh việc bà có trả vốn và trả lãi như bà trình bày vì vậy bà đồng ý với số nợ mà nguyên đơn yêu cầu vốn gốc tổng cộng là 360.000.000 đồng nhưng về phần lãi phát sinh do bà đã trả lãi 15%/ngày đã quá nhiều nên không đồng ý trả tiếp. Bà H đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 380.000.000 đồng nhưng không yêu cầu ông Ph cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà.

Ngày 18/6/2019, nhận thấy thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng vay tài sản giữa bà với nguyên đơn đã hết nên bà có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để bà được hoàn trả vốn gốc, không phải trả lãi phát sinh.

Tại Tờ tự khai ngày 11/10/2018, bị đơn ông Phan Văn Ph trình bày: Ông là chồng của bà H, ông không đồng ý cùng bà H trả nợ vì bà H sử dụng số tiền vay này vì mục đích cá nhân, không vì mục đích gia đình, ông không có ký biên nhận, không có nhận tiền nên không đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà H, đồng thời tại Biên bản hòa giải ngày 15/11/2018 của Tòa án, ông Ph còn trình bày ông có thỏa thuận với nguyên đơn đổi một phần đất nền nhà để trừ nợ. Ngoài ra ông còn có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của Toà án nhân dân thành phố LX đã xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lệ D buộc bị đơn là vợ chồng ông Phan Văn Ph và bà Hồ Thu H phải có nghĩa vụ liên

đới trả số tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 360.000.000 đồng là 198.450.000đ (một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Nguyễn Thị Lệ D.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn Ph, bà Hồ Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ D số tiền là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/8/2019 Ông Phan Hòa Nh đại diện ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo một phần của bản án yêu cầu xem xét lại thời hiệu khởi kiện;

Ngày 11/9/2019 Ông Phan Văn Ph kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm liên đới của ông Ph cùng bà H trả khoản nợ cho nguyên đơn.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, nhưng nếu bị đơn có thiện chí và vợ chồng ông Ph, bà H cùng liên đới trả nợ thì sẽ không yêu cầu tính lãi suất, chỉ lấy nợ gốc 360.000.000đ; còn ông Ph vẫn không chịu liên đới trả nợ thì nguyên đơn vẫn nguyên khởi kiện ban đầu là vợ chồng bà H, ông Ph phải trả nợ gốc 360.000.000đ và lãi suất 198.450.000đ.

Bị đơn ông Phan Văn Ph giữ nguyên nôi dung kháng cáo; không đồng ý chịu liên đới cùng bà H trả nợ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện nguyên đơn phát biểu ý kiến: Về thỏa thuận vay tiền không xác lập thời hạn, bà H cũng xác định vay không có thời hạn; nên cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu là không thiết phục; ngay từ đầu thụ lý đơn đã xác định hợp đồng vay tài sản rồi, nhưng sau đó lại xác định tranh chấp đòi tài sản là không đúng; về trách nhiệm liên đới, ở giai đoạn sơ thẩm ông Ph thừa nhận sẽ trả nợ, nên giờ lại chối bỏ là không đúng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Bị đơn phát biểu ý kiến: Cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách đối nguyên đơn là không đúng pháp luật; nguyên đơn có rút một phần khởi kiện, nhưng cấp sơ thẩm không tính án phí của nguyên đơn là không đúng pháp luật; cấp sơ thẩm buộc liên đới ông Ph là không dúng pháp luật, vì không có chứng cứ thể hiện ông Ph là chồng bà H;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa ra xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án thì thấy, cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, nên yêu cầu kháng cáo nguyên đơn về không áp dụng thời hiệu và tính lãi là không có căn cứ và yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Ph về tách nhiệm liên đới là không có căn cứ; Đề nghị không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn, bị đơn giữ y án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đại diện nguyên đơn ông Phan Hòa Nh và bị đơn ông Phan Văn Ph nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ đều có mặt, nên Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ D do ông Phan Hòa Nh làm đại diện cho rằng năm 2014 bà D có cho ông Ph và bà H vay tiền để đáo hạn ngân hàng, tổng số tiền cho vay là 360.000.000đ, không thỏa thuận thời gian trả vốn, thỏa thuận lãi bằng miệng 03%/tháng, kể từ ngày 03/6/2014, đến nay thì bà H, ông Ph không trả lãi và bà D nhiều lần đòi vốn nhưng ông Ph, bà H cũng không trả, nên bà D khởi kiện yêu cầu ông Ph, bà H cùng liên đới trả cho bà số tiền vốn là 360.000.000đ và lãi phát sinh theo quy định. Bị đơn bà Hồ Thu H cho rằng bà có vay tiền của bà D để đáo hạn Ngân hàng tổng số tiền 400.000.000đ, lãi suất 15%/ngày, bà có đóng lãi cho bà D nhưng không nhớ số tiền đóng lãi bao nhiêu, do Ngân hàng không giải ngân nên bà không vay tiền lại được, bà chỉ trả cho bà D được 50.000.000đ vốn, bà thừa nhận còn nợ bà D 360.000.000đ, xin không trả lãi do đã trả lãi ngày cho bà D nhiều rồi; việc vay tiền chỉ một mình bà biết, bà vay chi sài cá nhân không liên quan chồng bà là ông Phan Văn Ph. Ông Phan Văn Ph cho rằng việc vay mượn không liên quan đến ông, ông không có ký biên nhận, nên không đồng ý liên đới cùng vợ là bà H trả nợ cho bà D. Cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông Phan Văn Ph, bà Hồ Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ D số tiền là 360.000.000 đồng , do không đồng ý quyết định của án sơ thẩm, nên ông Ph kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại trách nhiệm liên đới của ông. Nguyên đơn cũng có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét thời thiệu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn do ông Phan Hòa Nh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện thì thấy, căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 02/7/2014 số tiền 200.000.000đ và biên nhận ngày 03/6/2014 số tiền 150.000.000đ (trong tờ biên nhận còn ghi thêm thiếu 100.000.000đ); nội dung hai biên nhận thể hiện bà Hồ Thu H có mượn tiền của

tiệm vàng Duyên. Quá trình ghi lời khai, biên bản đối chất bà H đều thừa nhận còn nợ bà D chủ tiệm vàng MD số tiền tổng cộng là 360.000.000đ đồng ý trả, không yêu cầu tính lãi và cho rằng không có liên quan đến chồng là ông Phan Văn Ph; căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì được những thình tiết sự kiện không phải chứng minh; do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.1] Cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp này là không đúng pháp luật; bởi lý do sau: Biên nhận ngày 02/7/2014 và ngày 03/6/2014 không có đề cập thời hạn vay mượn tiền bao lâu và không nêu lãi suất; tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định vay mượn không có thời hạn, khi nào đáo hạn xong có tiền trả lại cho bà D, nhưng các bên có thừa nhận có lãi nên căn cứ khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự thì đây được xem là "Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi"; đáng lý ra bên cho vay muốn đòi lại tài sản phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý; mới đủ cơ sở xác định quyền và nghĩa của bên vay để làm căn cứ khởi kiện và tính lãi suất; tuy nhiên, xét thấy thời gian vay mượn tiền từ năm 2014 đến nay mà phía bị đơn vẫn chưa trả và thực hiện nghĩa vụ và từ ngày ra Tòa án ra Thông báo thụ lý đến nay, phía bị đơn đã biết nhưng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn; nên được xem có thời gian hợp lý để cho phía bị đơn biết; là căn cứ ngày khởi kiện của nguyên đơn để tính ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm; việc cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp này là không chính xác; do đó, kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở xem xét.

[4.2] Đối với lãi suất hai bên đều khai mâu thuẫn nhau và không bên này chứng minh được; bà H cũng không nhớ đóng lãi suất bao nhiêu và không yêu cầu xem xét điều chỉnh lĩ suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với số tiền 360.000.000đ bà H thừa nhận và đồng ý trả, thì được xem lãi suất được tính kể từ ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 19/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/8/2019 là 12 tháng 23 ngày, áp dụng mức lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 của của Bộ luật tố tụng dân sự để điều chỉnh; lãi suất sẽ được tính như sau: 360.000.000đ x 0,833%/tháng x 12 tháng 23 ngày = 38.264.000đ (lấy chẳn);

[4.3] Tổng cộng nợ gốc và lãi suất chậm trả mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 360.000.000đ + 38.264.000đ = 398.264.000đ (Ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng);

[5] Xét kháng cáo của ông Phan Văn Ph về trách nhiệm liên đới cho rằng việc bà H vay tiền vào mục đích cá nhân ông Ph không không biết thì thấy, tại biên bản hòa giải ngày 15/11/2018 chính ông Ph thừa nhận có nợ và đồng ý thỏa thuận với bà D bán nền nhà để trả nợ, nhưng do điều kiện khách quan không bán nền nhà trả nợ được (BL 34); lời khai của bà H xác định vay mượn tiền của bà D để đáo nợ Ngân hàng nhằm mục đích có thêm tiền để lãi cho bà D, một phần phục vụ chi tiêu, mua sắm trong gia đình; Tại phiên tòa ông Ph, bà H xác dịnh vợ chồng chung sống với nhau trên 40 năm và hiện nay vẫn còn sống chung mua bán nhỏ quán cà phê tại nhà; nếu nói ông Ph không biết gì là không chính xác; bởi vì khi xảy ra tranh chấp

chính ông Ph đồng thỏa thuận bán nền nhà trả nợ, nhưng do điều kiện khách quan không bán được (đất nằm trong quy hoạch). Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bảo vệ cho ông Ph cho rằng không có giấy tờ gì chứng minh ông Ph, bà H là vợ chồng để lập luận cho rằng không có cơ sở buộc trách nhiệm liên đới là không chính xác; Hôn nhân của ông Ph, bà H trước năm 1986 được xem hôn nhân thực tế; cấp sơ thẩm buộc trách nhiệm liên đới là có căn cứ; nên kháng cáo của ông Ph cho rằng nợ riêng bà H và yêu cầu không buộc trách nhiệm liên đới cùng với vợ là bà H trả nợ cho nguyên đơn là chưa đủ cơ sở;

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ph không cung cấp tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để Hội đồng xem xét. Viện kiểm sát đề nghị giữ y án sơ thẩm là chưa đánh giá hết các chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, nên quan điểm của Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử thống nhất;

[7] Sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về không áo dụng thời hiệu và chấp nhận một phần tiền lãi suất; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ph về trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn;

[8] Án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Do ông Ph, bà H là người cao tuổi; người có công với cách mạng nên được miễn tòan bộ án phí dân sự sơ thẩm;

[8.2] Do nguyên đơn yêu cầu lãi suất 198.450.000.000đ, nhưng được cấp một phần nên phải chịu phần còn lại không được chấp nhận là 8.009.000đ [(198.450.000đ – 38.264.000đ) x 5%]; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.169.000đ theo biên lai thu số 0009947 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX; bà D được nhận lại 5.160.000đ;

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu; được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Ph được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm;

[10] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 294 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; Điều 357; Khoản 2 Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12, 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn do ông Phan Hòa Nh làm đại diện về áp dụng thời hiệu trong vụ án;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn Ph về trách nhiệm liên đới trả nợ;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 12/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố LX;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ D buộc bị đơn vợ chồng ông Phan Văn Ph, bà Hồ Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 360.000.000đồng và lãi suất chậm trả là 38.264.000đ; tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi suất là: 398.264.000đ (Ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi bốn ngàn đồng);

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi suất của nguyên đơn đối với bà H, ông Ph phải trả là: 160.186.000đ (198.450.000đ – 38.264.000đ);

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Ph, bà Hồ Thu H được miễn tòan bộ án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu 8.009.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.169.000đ theo biên lai thu số 0009947 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX; bà D được nhận lại 5.160.000đ;

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Phan Văn Ph được miễn tòan bộ án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Nguyễn Thị Lệ D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005507 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Sơn

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND.AG;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Toà Dân sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV & THA;
- Đương sự " Để thi hành";
- Lưu: HS.